

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **270/2025/HSPT**

Ngày: 28/03/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

+ Thẩm phán Chủ tọa phiên toà: Bà Tô Thanh Tú

+ Các Thẩm phán: Bà Chủ Phương Ngọc

Bà Đinh Thị Thu Hường

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Ông Từ Khánh Duy - Thư ký Toà án,
Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:*
Bà Nguyễn Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1128/2024/HSPT ngày 04/12/2024 do có kháng cáo của bị cáo Đinh Công T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 203/2024/HSST ngày 12/09/2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Bị cáo kháng cáo: Đinh Công T (tên gọi khác: Không), sinh năm 1956; Giới tính: Nam; HKTT: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam; chỗ ở trước khi bị bắt: số D phố Q, phường N, quận T, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 10/10; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đinh Văn M (đã chết) và bà Vũ Thị M1 (đã chết); Vợ thứ nhất là Nguyễn Thị L (đã ly hôn); vợ thứ hai là Nguyễn Thị K; bị cáo có 04 con; con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 227/2022/HSST ngày 08/7/2022 Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 02 năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của cả 2 tội là 15 năm tù; D chỉ bản số 259 do Công an quận T lập ngày 27/5/2024; Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam số 6 – Bộ C; Có mặt tại phiên tòa.

Trong vụ án có người bị hại là bà Phạm Thị M2; sinh năm 1979; Địa chỉ: Số A phố C, phường T, quận T, thành phố Hà Nội; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần I; Trụ sở: Số A phố C, phường T, quận

T, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị M2, Giám đốc Công ty không có kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân thì vụ án có nội dung như sau:

Khoảng năm 2011, qua kênh thông tin đại chúng, bà Phạm Thị M2 – Giám đốc Công ty cổ phần I (viết tắt là Công ty I), địa chỉ số A phố C, phường T, quận T, thành phố Hà Nội biết Công ty C1 (viết tắt là Công ty C1) đang tiến hành mời thầu thi công, san lấp mặt bằng thi công tại khu công nghiệp H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên nên đã liên hệ với Đinh Công T (Giám đốc Công ty). Qua trao đổi, T nói với bà M2 rằng Công ty C1 được chính quyền huyện P, tỉnh Thái Nguyên giao dự án san lấp mặt bằng tại Khu công nghiệp H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên và đang mời thầu các đơn vị đối tác thi công, san lấp mặt bằng. Do tin tưởng T, bà M2 đã thống nhất ký Hợp đồng nguyên tắc số 01/09AB-756 ngày 22/9/2011 về việc Công ty C1 giao cho Công ty I thi công hạng mục san lấp mặt bằng tại khu công nghiệp H. Công ty I phải nộp cho Công ty C1 số tiền 460.000.000 đồng là tiền bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh hợp đồng. Ngày 22/9/2011, bà M2 giao cho T số tiền 460.000.000 đồng tại số A phố C, phường T, quận T, thành phố Hà Nội.

Để tạo lòng tin với bà M2, cùng ngày 22/9/2011, T đã làm thông báo của Công ty C1 (thông báo số 01-TB/2011) gửi Công ty I về việc tập kết phương tiện để thi công công trình san lấp tại Khu công nghiệp H, thời gian tập kết phương tiện để phục vụ thi công và chuẩn bị mặt bằng cho lễ khởi công từ ngày 20/10/2011 đến ngày 25/10/2011. Tuy nhiên, khi bà M2 mang phương tiện đến khu vực khu công nghiệp H thì không thấy có dự án nào. Sau nhiều lần bà M2 hỏi T về việc trên thì đến ngày 08/03/2013, T đã lập giấy xác nhận không có công việc như Hợp đồng đã ký kết và cam kết sẽ trả lại tiền cho bà M2. Tuy nhiên, sau đó T không trả lại tiền và ngắt liên lạc nên bà M2 đã làm đơn tố giác đến Cơ quan Công an.

Quá trình điều tra, bà M2 giao nộp:

- 01 Hợp đồng nguyên tắc về việc thi công san lấp mặt bằng tại khu công nghiệp H số 01/09AB-756 ngày 22/9/2011;
- 01 thông báo số 01 ngày 22/9/2011 của Công ty cổ phần C1;
- 01 phiếu chi số 2901 ngày 22/9/2011 của Công ty cổ phần I;
- 01 giấy xác nhận nợ ngày 08/3/2013;
- 01 giấy khát nợ ngày 30/5/2013;

- 01 sao kê tài khoản số 045100021707 mở tại Ngân hàng V của P;
- 01 công chứng hợp đồng cho vay tài sản số 05960 ngày 08/9/2016 của Văn phòng C2.

Ngày 15/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T đã trưng cầu giám định tại Phòng K1 – Công an thành phố H chữ ký đứng tên Đinh Công T tại mẫu cần giám định từ A1 đến A6 là: Phiếu chi ngày 22/9/2011; Hợp đồng nguyên tắc số 01/09/AB-756 ngày 22/9/2011; Giấy xác nhận nợ ngày 08/3/2013; Giấy khát nợ đề ngày 30/5/2025; Thông báo số 01 ngày 22/9/2011; Hợp đồng cho vay tài sản, số công chứng 05960.2016/HDDVTS với chữ ký của Đinh Công T tại mẫu so sánh từ M1 đến M10 là: Tờ khai thuế môn bài ngày 01/1/2020; Tờ khai thuế giá trị gia tăng ngày 05/2/2010; Bảng kê hoá đơn mua vào ngày 05/2/2010; Tờ khai thuế giá trị gia tăng ngày 05/3/2010; Bảng kê hoá đơn mua ngày 05/3/2021; 02 biên bản ghi lời khai Đinh Công T đề ngày 13/7/2022; 01 bản tự khai của Đinh Công T đề ngày 13/7/2022; Biên bản thu mẫu chữ ký Đinh Công T đề ngày 13/7/2022; Biên bản ghi Đinh Công T đề ngày 11/11/2022 và hình dấu tròn của Công ty cổ phần C1 và thương mại 756 tại mẫu cần giám định từ A1 đến A6 với hình dấu tròn của Công ty CP C1 tại mẫu so sánh từ M1 đến M5 có phải do cùng một con dấu đóng ra hay không? Chữ viết phần nội dung trên mẫu cần giám định ký hiệu A4 và chữ viết dòng họ tên Đinh Công T dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định ký hiệu A4, A6 với chữ viết đứng tên Đinh Công T tại mẫu so sánh ký hiệu từ M6 đến M10 có phải do cùng một người viết ra hay không?

Tại Bản kết luận giám định số 209 ngày 05/01/2024 của Phòng KTHS – CA thành phố H kết luận:

- Hình dấu tròn “CÔNG TY CP X.TRÌNH GIAO THÔNG VÀ THƯƠNG MẠI 756” trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 với hình dấu tròn “CÔNG TY CP X.TRÌNH GIAO THÔNG VÀ THƯƠNG MẠI 756” trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một con dấu đóng ra;

- Chữ ký đứng tên Đinh Công T trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4; Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Đinh Công T dưới chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu A6 với chữ ký, chữ viết đứng tên Đinh Công T trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M10 là chữ do cùng một người ký và viết ra.

Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh T, xác định: Từ năm 2011 đến nay trên địa bàn huyện P không có khu công nghiệp H.

Tại Cơ quan điều tra, Đinh Công T khai nhận hành vi phạm tội như trên và khai: Khoảng năm 2011, T quen biết Nguyễn Đức T1 là giám đốc Công ty TNHH Đ, tỉnh Thái Nguyên. T1 nói có nguồn vốn cấp để xây dựng nhà máy giấy nên giữa T và T1 có ký hợp đồng. Công ty của T1 là chủ đầu tư, Công ty của T làm tổng thầu. T1 đề nghị T đặt cọc số tiền 300.000.000 đồng để T1 đi làm việc với cơ quan chức năng. Để thực hiện dự án, sau khi nhận của bà M2 số tiền 460.000.000 đồng, T chuyển cho T1. Tuy nhiên T không cung cấp được tài liệu gì chứng minh việc ký hợp đồng và giao tiền với T1.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, lấy lời khai của ông Nguyễn Đức T1, kết quả xác định: Ông T1 là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần G và Công ty cổ phần Đ1. Ông T1 khai không quen biết Đinh Công T và không ký hợp đồng hợp tác đầu tư với ai để thực hiện dự án trên. Xét thấy T1 không liên quan đến T nên Cơ quan điều tra không có căn cứ làm rõ.

Về dân sự: Ngày 23/5/2017 Đinh Công T đã trả cho bà Phạm Thị M2 số tiền 260.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 203/2024/HSST ngày 12/09/2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội đã xử và quyết định:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đinh Công T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đinh Công T 09 (chín) năm tù. Tổng hợp hình phạt 15 năm tù của bản án số 227/2022/HSST ngày 08/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 24 (hai mươi tư) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/12/2019.

3. Về dân sự: Áp dụng các điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự, Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, buộc bị cáo phải trả cho Công ty cổ phần I do bà Phạm Thị M2 làm đại diện số tiền 200.000.000 đồng.

Ghi nhận tự nguyện của bà Phạm Thị M2 không yêu cầu bị cáo phải trả tiền lãi đối với số tiền trên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên các quyết định khác về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo đối với bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Không nhất trí với bản án sơ thẩm, trong đơn kháng cáo đề ngày 24/10/2024, bị cáo Đinh Công T kháng cáo bản án với lý do Tòa án cấp sơ thẩm không trích xuất bị cáo về xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xác nhận đã tự tay viết Đơn đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt mình, xác nhận Tòa án cấp sơ thẩm không vi phạm quy định về việc không trích xuất bị cáo ra xét xử. Do thiếu hiểu biết pháp luật nên bị cáo mới nêu lý do trên. Mục đích bị cáo kháng cáo là xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa sau khi phân tích tính chất vụ án, tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã kết luận:

Về hình thức: Kháng cáo của bị cáo là đúng về chủ thể kháng cáo và còn trong thời hạn kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung: Không có cơ sở chấp nhận lý do kháng cáo của bị cáo về việc không được tham gia phiên tòa xét xử. Tại Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 9/9/2024 do bị cáo viết, có xác nhận của Trại giam số 6 thể hiện nội dung bị cáo đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân vào ngày 12/9/2024, bị cáo xin xét xử vắng mặt và giữ các ý kiến đã trình bày tại cơ quan điều tra, đề nghị được xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm hình phạt cho bị cáo. Như vậy, Tòa Án nhân dân quận Thanh Xuân không trích xuất bị cáo và xử vắng mặt là có căn cứ. Lý do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã sửa đổi lý do kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử mức hình phạt có phần nghiêm khắc với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo nên đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 điều 357 Bộ luật tố

tụng hình sự: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Đinh Công T, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 203/2024/HSST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo hướng giảm hình phạt tù.Cụ thể:

Tuyên bố: Bị cáo Đinh Công T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ điểm a khoản 3 điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đinh Công T từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù . Tổng hợp hình phạt 15 năm tù của bản án số 227/2022/HSST ngày 08/7/2022 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 22 năm 06 tháng đến 23 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/12/2019.

Lời nói sau cùng: bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, không có người tham gia tố tụng nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Kháng cáo của bị cáo là còn trong thời hạn kháng cáo và đúng về chủ thể kháng cáo nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị cáo thì thấy:

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo thừa nhận thực hiện các hành vi như án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ nên có đủ cơ sở để kết luận:

Mặc dù không có dự án thi công hạng mục san lấp mặt bằng tại khu công nghiệp H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên nhưng Đinh Công T đã đưa thông tin gian dối với bà Phạm Thị M2 rằng Công ty C1 (do T làm giám đốc) được chính quyền huyện P, tỉnh Thái Nguyên giao dự án san lấp mặt bằng tại khu công nghiệp H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên và hiện đang tiến hành mời thầu thi công, san lấp mặt bằng thi công. Do tin tưởng T nên ngày 22/9/2011, bà

M2 đã ký hợp đồng nguyên tắc số 01/09/AB -756 với T và chuyển cho T 460.000.000 đồng tại số A phố C, phường T, quận T, thành phố Hà Nội. Sau khi nhận được tiền của bà M2, T tiếp tục tạo niềm tin cho bà M2 bằng cách làm giấy thông báo số 01-TB/2011 gửi Công ty I về việc thời gian tập kết phương tiện để thi công công trình san lấp tại Khu công nghiệp H. Khi bà M2 tiến hành tập kết phương tiện để thi công như giấy thông báo thì phát hiện không có dự án trên. Bà M2 đã nhiều lần đòi tiền T không trả, đồng thời Thanh ngất liên lạc nên bà M2 đã đến Cơ quan công an trình báo. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đinh Công T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất vụ án, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho hành vi phạm tội của bị cáo như: Bị khai báo thành khẩn, có thái độ ăn năn hối cải, đã khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại. Bị cáo là người cao tuổi, đã từng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế giai đoạn sau năm 1975, có mẹ đẻ là bà Vũ Thị M1 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng Ba, để xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét thấy mức hình phạt tù tòa án cấp sơ thẩm đưa có phần nghiêm khắc so với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo nên có căn cứ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Về án phí: Do bản án sơ thẩm bị sửa phần hình phạt nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Sửa một phần của bản án hình sự sơ thẩm số 203/2024/HSST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, cụ thể:

1.1- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đinh Công T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

1.2. Về Điều luật áp dụng và hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 56; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đinh Công T 08 (tám) năm tù. Tổng hợp hình phạt 15 năm tù của bản án số 227/2022/HSST ngày 08/7/2022 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 23 (hai mươi ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/12/2019.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án: Bị cáo không phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.\

Nơi nhận:

- CA, VKSND, Chi cục THADS, TAND q. Thanh Xuân, TP Hà Nội.
- VKSND TP Hà Nội;
- Bị cáo; Người BH; Người có QLNVLQ
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thanh Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

